VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
SỐ THÁNG 5 NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT 2

GIỚI THIỆU 3

PHẦN I. 4

DIỄN BIẾN ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2025 4

1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp 4

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng 6

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng 8

PHẦN II. 11

DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 6 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 2025 11

2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025 11

2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025 11

2.2.1. Đối với cây trồng 11

2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi 15

PHẦN III. 18

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 6- THÁNG 8 NĂM 2025 18

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TN	Tây Nguyên
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU

Nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu định kỳ xuất bản bản tin **"Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp"** hằng tháng.

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn chuyên ngành:

- Dữ liệu quan trắc khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm khí tượng trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.

Bản tin tháng 5/2025 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 5 năm 2025.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp trân trọng giới thiệu bản tin tháng 5/2025, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Đăng Mậu

PHẦN I.
ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2025

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 5 năm 2025, thời tiết trên cả nước có nhiều biến động ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:

- Nhiệt độ: Tuần 1 dao động 20–28°C, tuần 2 tăng nhẹ tại đồng bằng, giảm tại miền núi phía Bắc (19–29°C).

- Lượng mưa: Tuần 1 có mưa rải rác với lượng mưa phổ biến 10–120 mm, một số nơi mưa lớn (Phú Quốc: 285,9 mm; Trị An: 238 mm). Tuần 2 mưa giảm rõ rệt (10–30 mm), nhiều nơi Nam Bộ gần như không có mưa.

- Độ ẩm: Tuần 1 phổ biến 68–89%; tuần 2 tăng nhẹ, phổ biến 77–90%.

- Điều kiện khí tượng bất lợi với sản xuất nông nghiệp:

+ Nắng nóng: Tuần 1 tháng 5, nắng nóng ảnh hưởng ở hầu hết các khu vực trên cả nước, đặc biệt khu vực Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh xuất hiện nắng nóng gay gắt. Sang tuần 2/2025, nền nhiệt giảm, nắng nóng xuất hiện ở một số khu vực thuộc Tây Bắc, ĐBSH, Bắc Trung Bộ, và Nam Bộ, không xuất hiện nắng nóng gay gắt. (Hình 2).

+ Khô hạn và thiếu nước: Hầu hết các khu vực trên phạm vi cả nước đều bị thiếu hụt nước cho SXNN (Ngoại trừ khu vực Đông Bắc và vùng bán đảo Cà Mau). Trong đó, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ ở mức từ hạn nặng đến nghiêm trọng (Hình 3).

+ Mưa lớn: Đợt mưa lớn ngày 24-25/5 tại Hà Tĩnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến SXNN.

+ Xâm nhập mặn: Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính. Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây có phạm vi xâm nhập mặn 30-35km; Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: 30-35km; Sông Hàm Luông: 25-30km; Sông Cổ Chiên: 25-35km; Sông Hậu: 27-32km; Sông Cái Lớn: 25-30km. Xâm nhập mặn tại các cửa sông tiếp tục giảm dần. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long cấp 1.

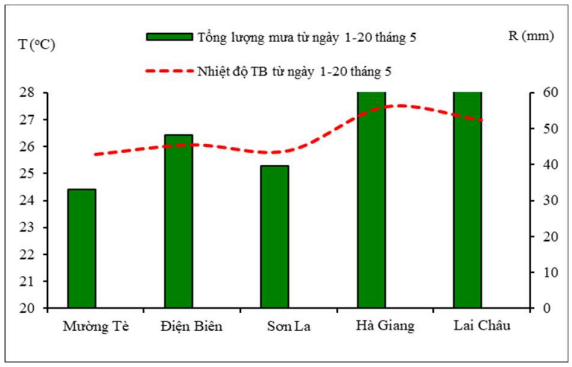

a) Khu vực TDMNBB

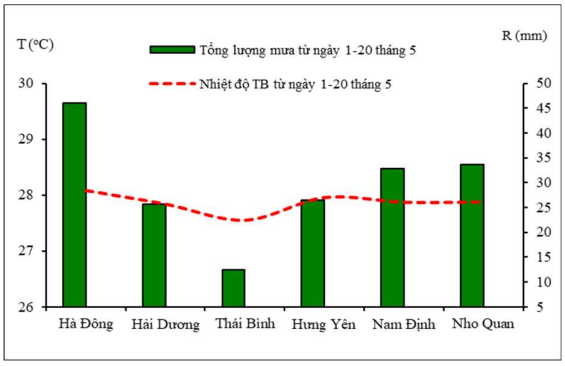

b) Khu vực ĐBSH

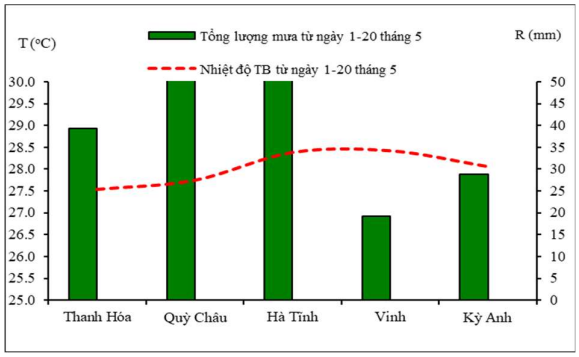

c) Khu vực BTB

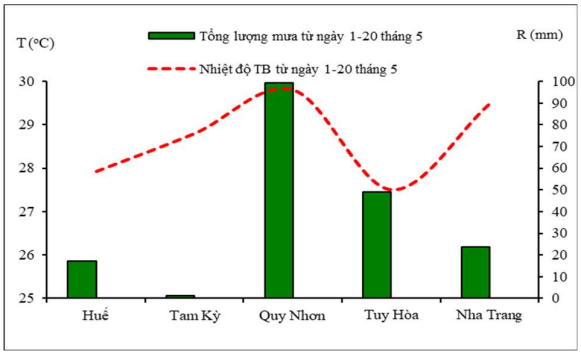

d) Khu vực DHNTB

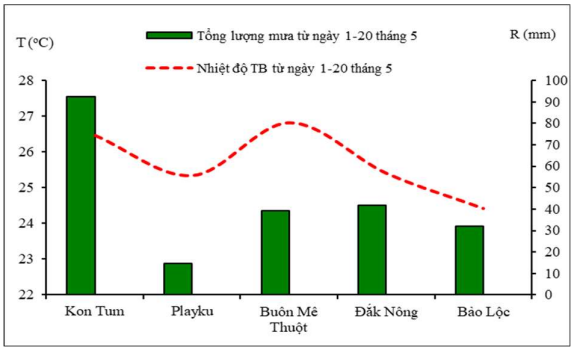

e) Khu vực Tây Nguyên

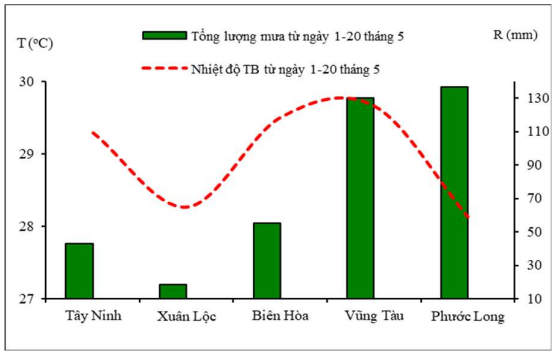

f) Khu vực Đông Nam Bộ

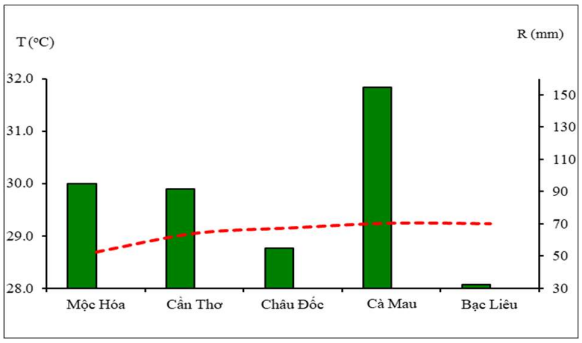

g) Khu vực ĐBSCL

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/5/2025 đến ngày 20/5/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

Tình hình sinh trưởng cây trồng (Bảng 2):

- Miền Bắc: Lúa vụ xuân đang ở giai đoạn phơi màu – chắc xanh (trà chính vụ) và trỗ – phơi màu (trà muộn).

- Bắc Trung Bộ: Lúa chủ yếu đã chín và thu hoạch. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của không khí lạnh cuối tháng 3 – đầu tháng 4, nhiều diện tích tại Nghệ An và Thanh Hóa bị thoái hóa đầu bông, lép xanh, không kết hạt, thậm chí không cho thu hoạch.

- Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Đã thu hoạch xong lúa vụ đông xuân.

- Nam Bộ: Lúa hè thu đang ở giai đoạn đẻ nhánh.

Tình hình sâu bệnh hại (Bảng 3):

- Trên cây lúa: Bên cạnh các loại dịch hại thường gặp như đạo ôn lá, rầy nâu, bạc lá, xuất hiện thêm các đối tượng nguy hiểm như đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và sâu năn – gây ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt tại khu vực ĐBSCL.

- Trên cây ngô: Ghi nhận sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền núi và duyên hải.

- Trên cây thanh long: Bệnh đốm nâu phát sinh tại nhiều vùng trồng trọng điểm, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng quả.

- Trên cây cà phê (Tây Nguyên): Tiếp tục chịu ảnh hưởng của bệnh khô cành và gỉ sắt, đe dọa quá trình phát triển quả và sinh trưởng cây.

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TDMNPB	Lúa	Trỗ - phơi màu
	Ngô	Phát triển bắp
ĐBSH	Lúa	Trỗ - Phơi màu
BTB	Lúa	Chín – thu hoạch
	Lạc	Thu hoạch
DHNTB	Lúa	Thu hoạch xong
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	Thu hoạch
	Cà phê	Quả non
ĐNB	Lúa	Đẻ nhánh
	Thanh long	Chăm sóc - Phát triển thân, lá
ĐBSCL	Lúa	Đẻ nhánh

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 5/2025)

Bảng 3. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	10.442	6.999	23	Hà Nội, Điện Biên, Yên Bái, Bình Thuận, Lâm Đồng, An Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp
	Bệnh đạo ôn cổ bông	2.007	124.994	91	Điện Biên, Hà Nội, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Kiên Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long Cần Thơ.
	Sâu cuốn lá nhỏ	13.260	12.688	1.080	Thái Bình, Ninh Bình, Bắc Giang, Gia Lai, An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang …
	Rầy hại lúa	5.476	29.210	218	Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Quảng Bình, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Hậu Giang, An Giang
	Sâu đục thân 2 chấm	1.061	704	1	Yên Bái, Điện Biên, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, Long An, An Giang, Bà Rịa Vũng Tàu
	Bệnh bạc lá	3.096	3.097	51	Điện Biên, Hưng Yên, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Kiên Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Tháp, Đồng Nai, Sóc Trăng
	Bệnh đen lép hạt	2.616	1.800	84	Điện Biên, Bắc Giang, Hà Nội, Nghệ An, Kiên Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Đồng Nai
	Ốc bươu vàng	3.772	3.600	-	Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Bạc Liêu, Long An, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đồng Tháp
	Chuột	9.684	2.590	167	Thái Bình, Thái Nguyên, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Bình Định, An Giang, Bạc Liêu, Hậu

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
					Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai, Tiền Giang
	Sâu năn	240	240	-	Đồng Tháp
Ngô	Sâu keo mùa thu	613	872	-	Yên Bái, Bắc Kạn, Hải Dương, Hà Tĩnh, Phú Yên, Đồng Nai
Thanh long	Bệnh đốm nâu	1.504	2.853	-	Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…
Cà phê	Bệnh khô cành	6839	4.969	-	Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..
	Bệnh gỉ sắt	5.909	7.277	-	Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 5/2025

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đến cây trồng

- Thiếu nước và khô hạn: Tại vùng ĐBSH và ĐBSCL, lượng mưa từ ngày 1 đến ngày 20/5 không đáp ứng đủ nhu cầu nước cho cây lúa. Mức thiếu hụt dao động từ 116 mm (Hà Đông) đến 155 mm (Thái Bình), làm tăng nguy cơ khô hạn và ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng (Bảng 4).

- Nhiệt độ cao – độ ẩm lớn: Nhiệt độ ban ngày cao kết hợp với độ ẩm không khí cao về đêm tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh phát triển mạnh, đặc biệt là rầy nâu, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ ở cả miền Bắc và miền Nam.

- Nắng nóng: Bắt đầu xuất hiện trên phạm vi rộng, gây ra tình trạng hạn nhẹ đến hạn nặng tại nhiều nơi, làm chậm quá trình sinh trưởng của cây trồng và cản trở hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Xâm nhập mặn: Gây ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu, đặc biệt tại các khu vực trồng lúa và nuôi trồng thủy sản ở Bạc Liêu, Tiền Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, do mặn xâm nhập sâu vào nội đồng.

Bảng 4. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 5/2025

Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	165.5	25.7	**-139.80**
	Hà Đông	162.3	46	**-116.29**
	Hải Dương	165.6	25.7	**-139.93**
	Hưng Yên	164.0	26.5	**-137.52**
	Nam Định	170.3	32.8	**-137.53**
	Văn Lý	170.5	18.3	**-152.17**
	NhoQuan	168.5	33.7	**-134.75**
	Ninh Bình	169.3	48.2	**-121.06**
	Thái Bình	167.6	12.5	**-155.15**
ĐBSCL	Mộc Hóa	156.2	94.7	**-61.51**
	Mỹ Tho	147.4	11.5	**-135.94**
	Cao Lãnh	149.6	57.6	**-91.98**
	Càng Long	146.3	22.1	**-124.22**
	Châu Đốc	150.7	54.8	**-95.86**
	Cần Thơ	151.1	91.7	**-59.43**
	Sóc Trăng	140.8	55.6	**-85.25**
	Rạch Giá	157.2	99.3	**-57.87**
	Bạc Liêu	146.0	32.5	**-113.48**

b. Đến vật nuôi

Kết quả tính toán chỉ số THI cho thấy, điều kiện khí hậu trong nửa đầu tháng 5 gây ảnh hưởng bất lợi trên diện rộng tới vật nuôi. Cụ thể, THI cao làm giảm khả năng tiêu hóa thức ăn, tăng nhịp tim, gây stress nhiệt cho gia súc và gia cầm trên toàn quốc (Hình 4).

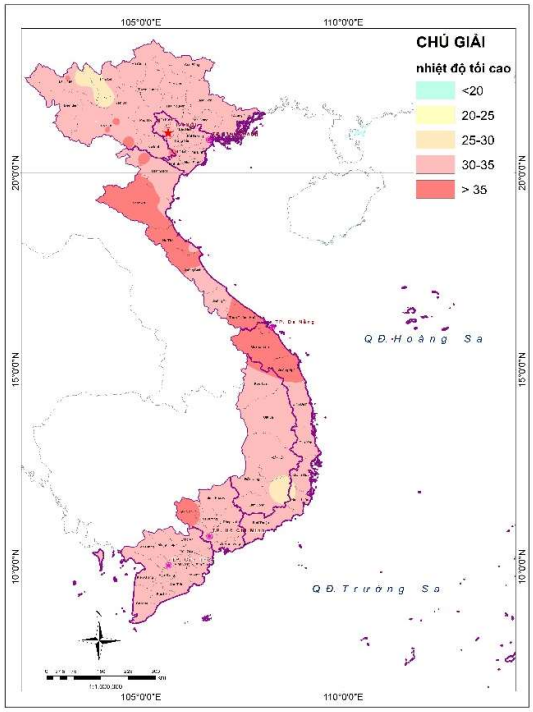

Hình 2. Nhiệt độ tối cao trung bình (Tx) từ ngày 1-20 tháng 5/2025

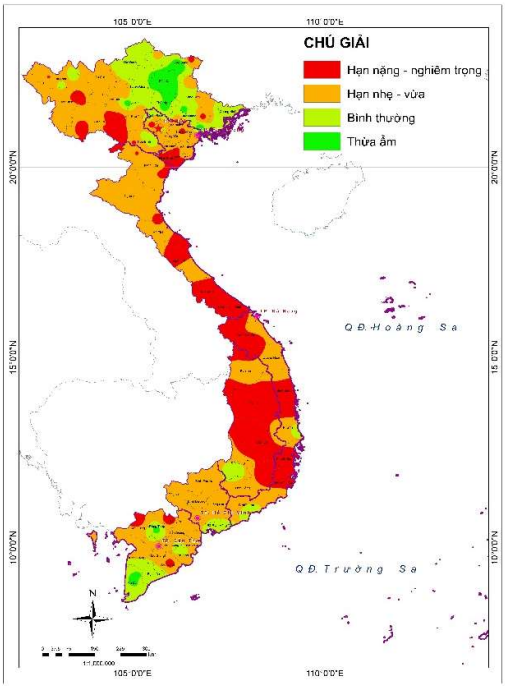

Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng tháng 5/2025

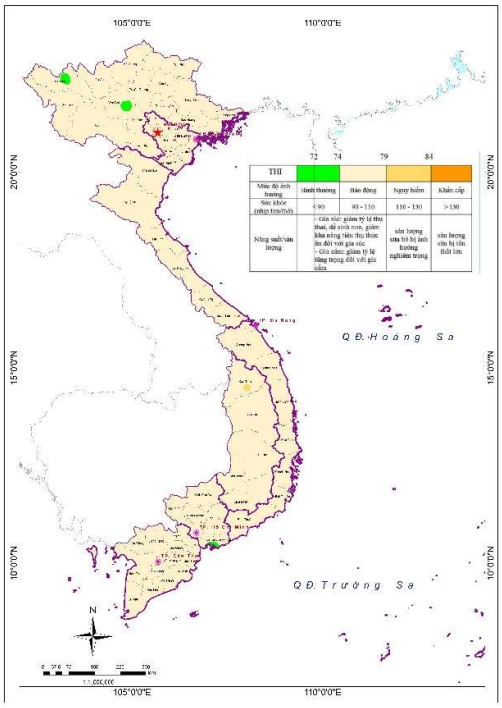

Hình 4. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 5/2025

PHẦN II.
DỰ BÁO ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 6 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 2025

2.1. Xu thế khí hậu từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025

Theo bản tin "Thông báo và dự báo khí hậu" số tháng 5/2025 (Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu) cho thấy, ENSO được dự báo tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính trong mùa tiếp theo với xác suất 70-75%. Ở hầu hết diện tích cả nước, nhiệt độ ở mức từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN; lượng mưa ở mức xấp xỉ TBNN. Các hiện tượng cực đoan bất lợi đối với sản xuất nông nghiệp trong 3 tháng tới:

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong mùa 6–8/2025, số cơn bão trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có thể xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN (TBNN: ~5 cơn trên Biển Đông, 2–3 cơn ảnh hưởng đến đất liền).

- Nắng nóng: Có khả năng xảy ra trên diện rộng tại Bắc Bộ và Trung Bộ. Tuy nhiên, cường độ nắng nóng dự báo nhẹ hơn năm 2024.

2.2. Rủi ro khí hậu đến từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025

2.2.1. Đối với cây trồng

a) Tình hình thừa/thiếu nước

- Đối với sản xuất nông nghiệp nói chung:

+ Dự báo từ tháng 6/2025, khô hạn nhẹ đến vừa có thể xuất hiện tại Trung Trung Bộ (từ Thừa Thiên Huế đến vùng núi Quảng Ngãi).

+ Sang tháng 7–8, vùng khô hạn và nắng nóng mở rộng tới Quảng Trị (Hình 6).

- Đối với cây lúa vùng ĐBSH và ĐBSCL:

+ Trong tháng 6-tháng 7: Hầu hết khu vực ĐBSH và ĐBSCL đều dư thừa nước so với nhu cầu thực tế của cây lúa. Đặc biệt, một số địa phương như Sơn Tây, Hà Đông, Nho Quan (ĐBSH) và Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu (ĐBSCL) cần đề phòng nguy cơ ngập úng cục bộ.

+ Đến tháng 8, lượng mưa tăng mạnh, nguy cơ ngập úng lan rộng, đặc biệt ngoài vùng Đồng Tháp Mười, hầu hết các khu vực còn lại đều có nguy cơ bị ảnh hưởng (Bảng 5).

b) Rủi ro sâu bệnh hại

Thời tiết nóng ẩm từ tháng 6–8 tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều dịch hại phát sinh và gây hại trên diện rộng:

- Lúa:

- Miền Bắc: Đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bạc lá, khô vằn, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt.
- Bắc Trung Bộ: Bọ trĩ.
- DHNTB&TN: Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, đạo ôn lá, khô vằn, đen lép thối hạt.
- Nam Bộ: Rầy nâu, đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt.

- Ngô: Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, đốm lá, sâu đục bắp, gỉ sắt, khô vằn.

- Thanh long: Đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc.

- Cà phê: Bọ xít muỗi, rệp sáp, rệp vảy, khô cành, gỉ sắt.

- Hồ tiêu: Chết chậm, chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp.

- Điều: Bọ xít muỗi, thán thư.

- Chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, thối búp.

- Nhãn, vải: Chổi rồng, sâu cuốn lá, sâu đo, thán thư.

Nhận định chung:

Trong các tháng 6 và 7/2025, Trung Trung Bộ là những khu vực dễ bị ảnh hưởng bất lợi do nắng nóng và thiếu mưa gây khô hạn cho cây trồng.

Đến tháng 8, trong khi Trung Trung Bộ vẫn chịu ảnh hưởng của hạn hán, thì các tỉnh vùng ĐBSH và ĐBSCL có thể bị ngập úng do mưa lớn kéo dài, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Các khu vực khác có điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng phát triển (Bảng 6).

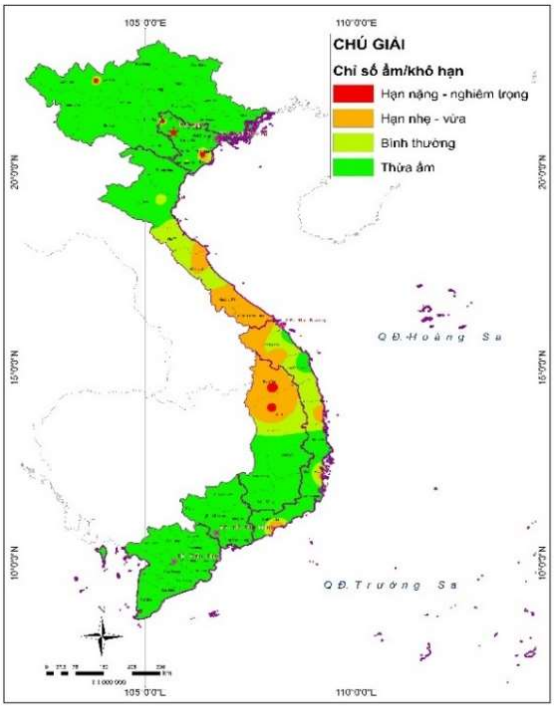

Tháng 6/2025

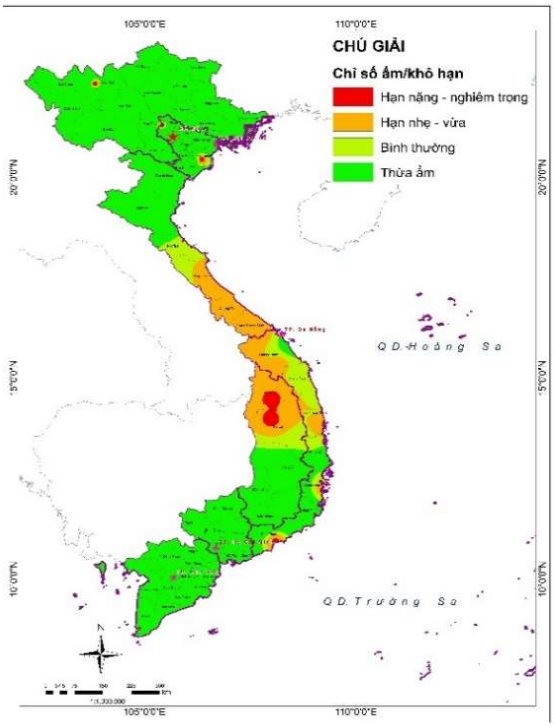

Tháng 7/2025

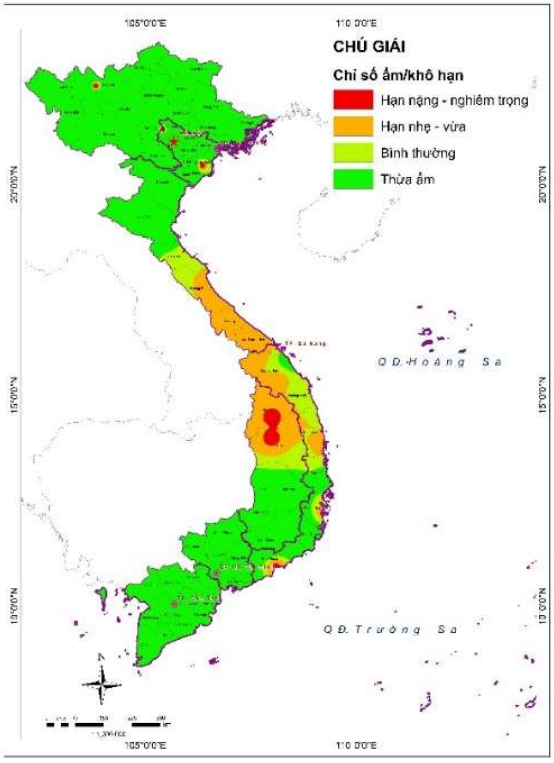

Tháng 8/2025

Hình 6. Dự báo nguy cơ thừa nước/khô hạn trong tháng 6-tháng 8/2025

Bảng 5. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 6 - tháng 8/2025

Vùng sinh thái	Trạm	thiếu (-)/Thừa (+) nước (m^3/ha)			Khuyến cáo
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	
ĐBSH	Sơn Tây	+1381	+1647	+1285	Tháng 6,7,8: Có nguy cơ ngập
	Hà Đông	+1042	+1049	+1085	Tháng 6,7,8: Quá dư thừa nước
	Hải Dương	+1084	+895	+1113	Tháng 6,7,8: Quá dư thừa nước
	Hưng Yên	+793	+723	+985	Tháng 6, 7: Dư thừa nước Tháng 8: Quá dư thừa nước
	Nam Định	+613	+835	+1136	Tháng 6: Dư thừa nước Tháng 7, 8: Quá dư thừa nước
	Văn Lý	+263	+360	+1433	Tháng 6,7: Đủ ẩm Tháng 8: Có nguy cơ ngập
	Nho Quan	+939	+1227	+1526	Tháng 6: Quá dư thừa nước Tháng 7,8: Có nguy cơ ngập
	Ninh Bình	+792	+836	+1289	Tháng 6,7: Dư thừa nước Tháng 8: Có nguy cơ ngập
ĐBSCL	Mộc Hóa	+9	+256	+587	Tháng 6,7,8: Đủ ẩm
	Mỹ Tho	+467	+280	+743	Tháng 6,7: Đủ ẩm Tháng 8: Dư thừa nước
	Cao Lãnh	+140	+241	+636	Tháng 6,7,8: Đủ ẩm
	Càng Long	+636	+680	+1208	Tháng 6,7: Đủ ẩm Tháng 8: Có nguy cơ ngập
	Châu Đốc	-352	-74	+610	Tháng 6,7: Thiếu hụt nước Tháng 8: Đủ ẩm
	Cần Thơ	+598	+763	+1258	Tháng 6: Đủ ẩm Tháng 7: Dư thừa nước Tháng 8: Có nguy cơ ngập
	Sóc Trăng	+1341	+1120	+1776	Tháng 6, 7,8: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Rạch Giá	+1352	+1595	+2256	Tháng 6,7,8: Có nguy cơ ngập
	Bạc Liêu	+1564	+1294	+1858	Tháng 6,7,8: Có nguy cơ ngập

Bảng 6. Tổng hợp thông tin thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng từ tháng 6 – tháng 8 năm 2025

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa						TL	TL	TL				
	Lúa nương						TL	TL	TL				
	Ngô						TL	TL	TL				
ĐBSH	Lúa						TL	TL	ITL				
BTB	Lúa							ITL	ITL				
	Lạc							ITL	ITL				
DHNTB	Lúa						TL	TL	TL				
	Thanh Long						TL	TL	TL				
TN	Lúa						TL	TL	TL				
	Cà phê						TL	TL	TL				
ĐNB	Lúa						TL	TL	ITL				
	Thanh Long						TL	TL	ITL				
ĐBSCL	Lúa						TL	TL	ITL				

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

2.2.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Trong các tháng 6, 7 và 8/2025, nắng nóng và nhiệt độ cao tiếp tục xuất hiện trên diện rộng cả nước (xem Hình 7). Mặc dù cường độ nắng nóng có xu hướng giảm nhẹ tại một số tỉnh thuộc Tây Bắc và Tây Nguyên, song điều kiện thời tiết vẫn gây bất lợi cho chăn nuôi.

Dự báo chỉ số nhiệt - ẩm (THI) cho thấy gia súc và gia cầm trên toàn quốc sẽ bị ảnh hưởng bởi stress nhiệt, đặc biệt trong tháng 6–7 tại khu vực Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Bộ. Ảnh hưởng chủ yếu bao gồm:

- Giảm khả năng tiêu thụ thức ăn,

- Tăng nhịp tim và rối loạn hô hấp,

- Suy giảm sức đề kháng, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trọng và năng suất chăn nuôi (Hình 8).

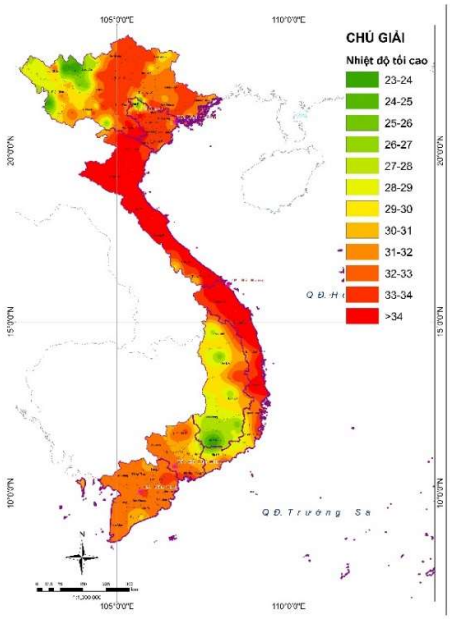

Tháng 6/2025

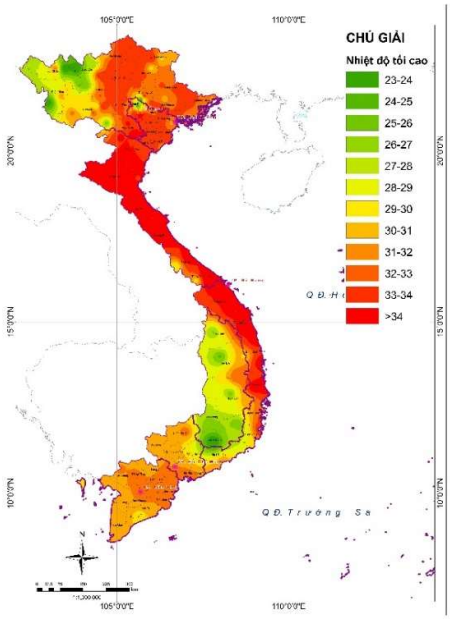

Tháng 7/2025

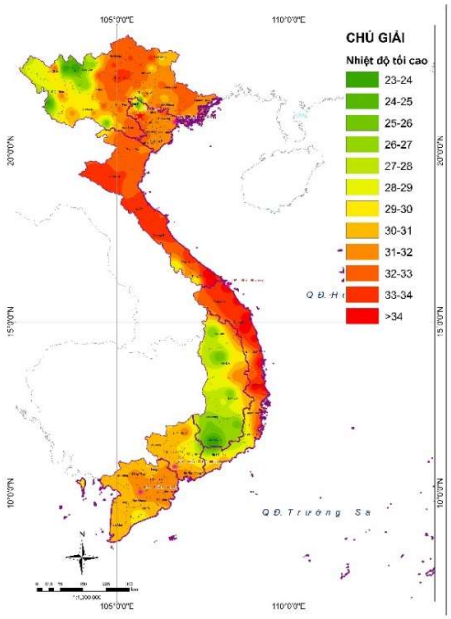

Tháng 8/2025

Hình 7. Dự báo nhiệt độ tối cao (Tx) trung bình tháng 6-tháng 8/2025 (°C)

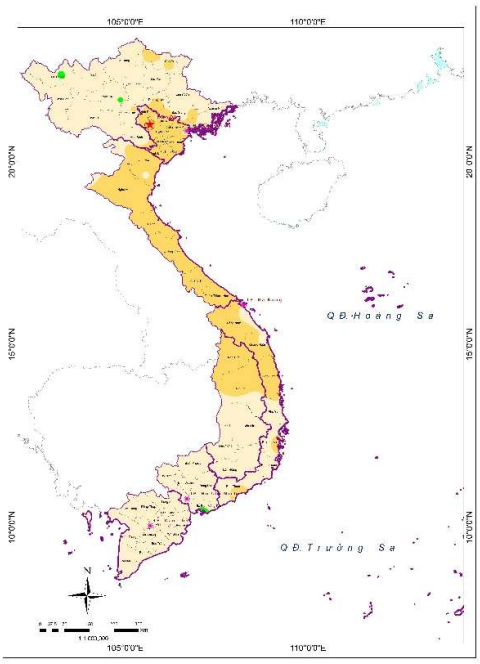

Tháng 6/2025

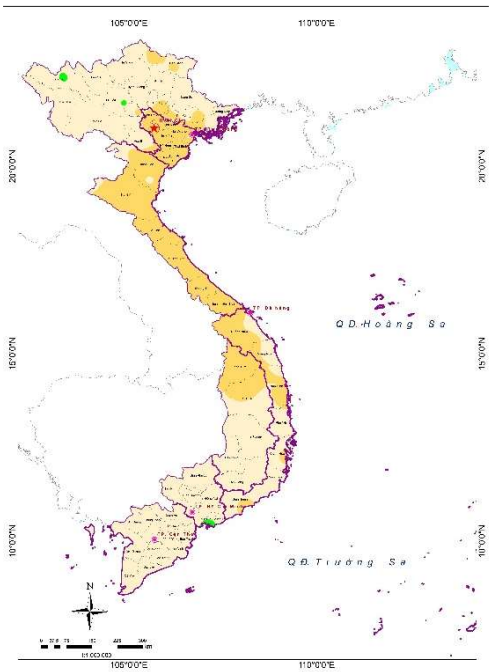

Tháng 7/2025

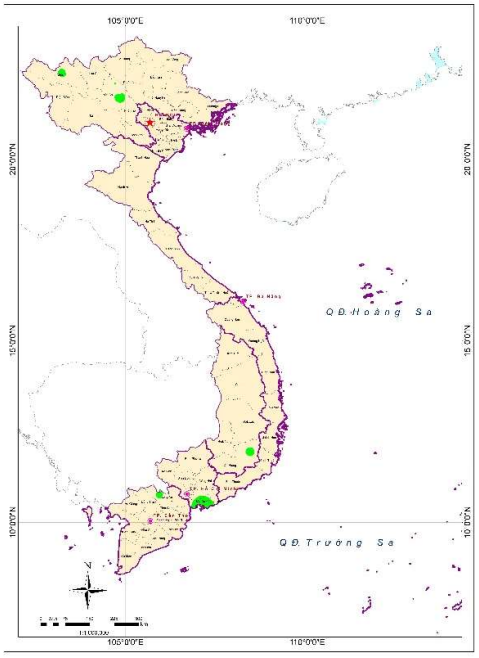

Tháng 8/2025

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thở)	< 90	90 - 110	110 - 130	>130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, dễ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ và sản lượng của vật nuôi từ tháng 6 đến tháng 8/2025 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III.
KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG 6- THÁNG 8 NĂM 2025

Dựa trên phân tích xu thế khí hậu và rủi ro khí hậu mùa vụ từ tháng 6 đến tháng 8/2025, các biện pháp kỹ thuật được khuyến nghị nhằm chủ động ứng phó và hạn chế thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp (Bảng 7), cụ thể như sau:

1. Trung du và miền núi phía Bắc

Lúa và ngô có nguy cơ ngập úng cục bộ trong tháng 7–8. Cần:

Rút nước ruộng trước thu hoạch 7–10 ngày.

Tranh thủ thời tiết thuận lợi để thu hoạch sớm.

Gieo vụ mùa đúng thời vụ và đảm bảo tiêu thoát nước tốt trong giai đoạn đẻ nhánh.

2. Đồng bằng sông Hồng

Lúa có nguy cơ ngập cục bộ trong tháng 7 và ngập diện rộng trong tháng 8.

Chủ động thu hoạch lúa sớm, kết hợp tiêu úng.

Trong vụ mùa, cần đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước đặc biệt tại vùng trũng thấp.

3. Bắc Trung Bộ

Một số nơi (như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) có thể gặp hạn nhẹ trong tháng 7.

Chủ động gieo trồng vụ mới sớm, đảm bảo đủ nước tưới.

Với cây lạc, giữ ẩm hợp lý trong giai đoạn phát triển củ và thu hoạch đúng lúc khi khô ráo.

4. Duyên hải Nam Trung Bộ

Nguy cơ hạn cục bộ tại các tỉnh ven biển như Ninh Thuận, Bình Thuận.

Lúa cần duy trì mực nước hợp lý trong các giai đoạn sinh trưởng.

Thanh long cần tăng cường tưới bổ sung, chăm sóc sau thu hoạch bằng biện pháp tỉa cành và bón phân hữu cơ giúp phục hồi cây.

5. Tây Nguyên

Tỉnh Kon Tum có thể gặp hạn nhẹ đến vừa trong cả 3 tháng.

Lúa: Ưu tiên thu hoạch sớm, giữ ẩm trong giai đoạn đẻ nhánh.

Cà phê: Bổ sung nước cho giai đoạn phát triển quả; phòng ngừa các bệnh hại như thán thư, rệp sáp; bón phân cân đối.

6. Đông Nam Bộ

Với lúa, cần duy trì mực nước thích hợp (3–7 cm) để hạn chế sâu bệnh trong các giai đoạn làm đòng và trổ bông.

Với thanh long, cần chủ động thoát nước trong tháng 6–7 (khi có nguy cơ ngập cục bộ), đồng thời chăm sóc kỹ trong giai đoạn phát triển và thu hoạch quả để hạn chế bệnh thán thư và hại rệp.

7. Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo ngập úng cục bộ tháng 6–7 và nguy cơ ngập diện rộng trong tháng 8.

Cần chủ động giữ mực nước ruộng hợp lý trong từng giai đoạn sinh trưởng.

Tăng cường tiêu thoát nước ở giai đoạn trổ bông và chắc xanh để hạn chế thiệt hại do úng ngập.

Bảng 7. Tóm tắt khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
TDMNPB	**Lúa**	- Nguy cơ ngập cục bộ trong tháng 7, 8	Giai đoạn: chín - thu hoạch - Rút cạn nước trước thu hoạch 7–10 ngày - Tranh thủ thời tiết nắng ráo thu hoạch lúa	- Gieo trồng vụ mùa - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Lúa đẻ nhánh - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng
	Ngô	- Nguy cơ ngập cục bộ trong tháng 7, 8	Giai đoạn: Hình thành hạt-chắc hạt – chín	- Giai đoạn: Chín – thu hoạch - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Gieo trồng vụ mới - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng
ĐBSH	**Lúa**	- Nguy cơ ngập cục bộ trong tháng 7 và ngập riện rộng trong tháng 8	Giai đoạn: chín - thu hoạch - Rút cạn nước trước thu hoạch 7–10 ngày - Tranh thủ thời tiết nắng ráo thu hoạch lúa	- Gieo trồng vụ mùa - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	- Lúa đẻ nhánh - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng
BTB	**Lúa**	Hạn nhẹ trong tháng 7 ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	Giai đoạn: Chín – thu hoạch - Tận dụng thời tiết khô ráo để thu hoạch	- Gieo trồng vụ mùa - Đảm bảo nguồn nước gieo cấy vụ mùa ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	- Lúa đẻ nhánh - Đảm bảo nguồn nước gieo cấy vụ mùa ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 6	**Tháng 7**	**Tháng 8**
	Lạc		Giai đoạn: Phát triển củ - chắc hạt – chín - Giữ ẩm vừa phải trong giai đoạn phát triển củ – chắc hạt.	Giai đoạn: Thu hoạch - Tận dụng thời tiết khô ráo để thu hoạch	Gieo trồng vụ mới
DHNTB	**Lúa**	Một số khu vực ven biển ở Ninh Thuận, Bình Thuận hạn cục bộ	Gieo trồng vụ hè thu	Giai đoạn: Đẻ nhánh - Duy trì mực nước từ 5-7 cm trên mặt ruộng	Giai đoạn: làm đòng – trỗ bông - Duy trì mực nước từ 3-5 cm trên mặt ruộng
	Thanh Long	Một số khu vực ven biển ở Ninh Thuận, Bình Thuận hạn cục bộ	Giai đoạn: nuôi trái - Tưới bổ sung, duy trì độ ẩm	Giai đoạn: Chín – thu hoạch	Giai đoạn: Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch - Tỉa cành, bón phân hữu cơ, duy trì độ ẩm ổn định để cây phục hồi.
Tây Nguyên	**Lúa**	Hạn nhẹ - vừa ở tỉnh Kon Tum	Giai đoạn: Chín – thu hoạch - Rút cạn nước trước thu hoạch từ 7-10 ngày - Tận dụng thời tiết khô ráo để thu hoạch	- Gieo trồng vụ mùa - Đảm bảo nguồn nước ở tỉnh Kon Tum	Giai đoạn đẻ nhánh - Duy trì mực nước từ 3-7 cm trên bề mặt ruộng
	Cà phê	Hạn nhẹ - vừa ở các tỉnh Kon Tum	Giai đoạn: phát triển quả non - Đảm bảo đủ ẩm cho quả phát triển.	Giai đoạn: phát triển quả - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp.	Giai đoạn: Phát triển quả - Đảm bảo độ ẩm ổn định, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, bón phân cân đối để quả phát triển tốt.
ĐNB	**Lúa**		Giai đoạn: Đẻ nhánh - làm đòng - Duy trì mực nước 3–7 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: Làm đòng – Trỗ bông - Duy trì mực nước 3-5 cm	Giai đoạn: Trỗ bông – chắc xanh - Duy trì mực nước 3–5 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu	Khuyến nghị cây trồng ứng phó với khí hậu		
			Tháng 6	**Tháng 7**	**Tháng 8**
				- Đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	
	Thanh Long	Ngập úng cục bộ trong tháng 6, 7	Giai đoạn: Nở hoa - đậu quả - Duy trì độ ẩm đất để hoa nở đồng loạt và tăng tỷ lệ đậu quả. - Đề phòng rệp sáp, bọ trĩ, và bệnh thán thư.	Giai đoạn: Phát triển quả - Bổ sung kali để tăng chất lượng quả và giúp quả chín đều. - Đề phòng bệnh thán thư và rệp sáp. - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng	Giai đoạn: Chín – thu hoạch - Đảm bảo thoát nước tốt, đề phòng bệnh thán thư, rệp sáp, thu hoạch quả chín đúng độ.
ĐBSCL	**Lúa**	- Ngập úng cục bộ trong tháng 6, 7 - Nguy cơ ngập diện rộng trong tháng 8	Giai đoạn: Đẻ nhánh - làm đòng - Duy trì mực nước 3–7 cm, đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: làm đòng – trỗ bông - Duy trì mực nước 3-5 cm - Đề phòng sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn.	Giai đoạn: Trỗ bông – chắc xanh - Đảm bảo thoát nước tốt, tránh ngập úng

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn